

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **186/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 18-6-2021
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thìn

Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà Trần Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 565/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/3/2021 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 214/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1981; địa chỉ: phường V, thành B, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: Khu phố 4, phường V, thành B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Bùi Thanh V, sinh năm 1977; địa chỉ: phường V, thành B, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: Khu phố 4, phường V, thành B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông V vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa án, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông V chung sống với nhau từ năm 2000. Đến ngày 17/7/2012 thì làm thủ tục đăng ký kết hôn tại phường V, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ông V thường xuyên chửi bới, xúc phạm vợ con, bà đã cho ông V nhiều cơ hội nhưng ông V

không thay đổi. Nay, bà xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với ông Bùi Thanh V.

Về con chung: Bà và ông V có 01 con chung là cháu Bùi Vũ H, sinh ngày 22/01/2001. Cháu H hiện nay đã trưởng thành nên khi ly hôn, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Ông Bùi Thanh V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thừa nhận quan hệ hôn nhân như bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn, xích mích do ông uống rượu, hay ghen tuông nên hay chửi bới, xúc phạm vợ con. Tuy nhiên, ông xác định vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn với bà T. Ông muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Ông và bà T 01 con chung là cháu Bùi Vũ H, sinh ngày 22/01/2001. Cháu H hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Theo các chứng cứ, tài liệu và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án thể hiện, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T; về con chung: Ông V, bà T có 01 con chung là cháu Bùi Vũ H, sinh ngày 22/01/2001. Cháu H hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Không có; về nợ chung: Không có; về án phí: Bà T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Bùi Thanh V hiện cư trú tại địa bàn thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các quyết định tố tụng cho bà T và ông V. Tuy nhiên, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ

Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Bùi Thanh V tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố B, tỉnh Đồng Nai ngày 17/7/2012 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9,11,12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận vì:

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Thực tế, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông V thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, quậy phá chửi bới, xúc phạm vợ, con. Bà T nhận thấy cuộc sống hôn nhân ngột ngạt, không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông V.

Ông V cũng thừa nhận quá trình chung sống hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do ông hay uống rượu, xúc phạm vợ con. Tuy nhiên, do ông V vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà T và ông V không đạt được, nên căn cứ vào các điều 51, 54, 56, 57, 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho bà T được ly hôn với ông V.

[4] Về con chung: Ông V, bà T có 01 con chung là cháu Bùi Vũ H, sinh ngày 22/01/2001. Cháu H hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng:

- Các điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Các điều 51, 54, 56, 57, 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Bùi Thanh V.

2. Về con chung: Cháu Bùi Vũ H, sinh ngày 22/01/2001, hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0000494 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Bùi Thanh V được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Duyên

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Duyên

Hội thẩm nhân dân
tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Đồng Nai
- VKS TP Biên Hòa
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên